

Số: 1677 /TBHH-CVHHTPHCM Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về khu vực thi công nạo vét duy tu luồng, vũng quay tàu, khu neo đậu tàu và khu nước trước cảng Hydrocarbon thuộc tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam (năm 2025) và vị trí tiếp nhận chất nạo vét nằm phía tây của khu A thuộc vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh

Vùng biển: Vùng nước cảng biển và vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng chuyên dùng vào cầu cảng Hydrocarbon thuộc luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét đơn đề nghị số 251549/LSP-SP ngày 03/10/2025 của Công ty TNHH Hoá dầu Long Sơn về việc thông báo hàng hải khu vực thi công nạo vét duy tu luồng, vũng quay tàu, khu neo đậu tàu và khu nước trước cảng Hydrocarbon thuộc Tổ hợp hoá dầu miền Nam Việt Nam (năm 2025);

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo thiết lập khu vực thi công nạo vét duy tu luồng, vũng quay tàu, khu neo đậu tàu và khu nước trước cảng Hydrocarbon (năm 2025) thuộc tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam và vị trí tiếp nhận chất nạo vét nằm phía tây của khu A, thuộc vùng nước cảng biển và vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Phạm vi khu vực thi công luồng chuyên dùng vào cầu cảng Hydrocarbon thuộc luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải được giới hạn bởi các điểm toạ độ như sau:

1.1. Phạm vi biên phải luồng:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
M0	10°23'55,7" N	107°02'13,2" E	10°23'52,0" N	107°02'19,7" E
M1	10°24'11,4" N	107°02'11,3" E	10°24'07,7" N	107°02'17,8" E
M3	10°25'34,8" N	107°02'26,9" E	10°25'31,1" N	107°02'33,3" E

1.2. Phạm vi biên trái luồng:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
M2	10°24'24,1" N	107°02'06,4" E	10°24'20,5" N	107°02'12,8" E
M4	10°25'36,1" N	107°02'19,8" E	10°25'32,4" N	107°02'26,2" E

2. Phạm vi khu vực thi công khu neo đậu và khu nước trước cầu cảng Hydrocacbon số 1 được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N2	10°25'59,7" N	107°02'19,3" E	10°25'56,0" N	107°02'25,8" E
N3	10°26'02,3" N	107°02'18,9" E	10°25'58,6" N	107°02'25,4" E
N4	10°26'03,7" N	107°02'19,7" E	10°26'00,0" N	107°02'26,1" E
N5	10°26'05,7" N	107°02'19,4" E	10°26'02,0" N	107°02'25,8" E
N6	10°26'06,8" N	107°02'18,4" E	10°26'03,1" N	107°02'24,9" E
N7	10°26'10,1" N	107°02'17,9" E	10°26'06,4" N	107°02'24,4" E
M11	10°26'10,7" N	107°02'22,0" E	10°26'07,0" N	107°02'28,4" E
M9	10°26'10,0" N	107°02'22,5" E	10°26'06,3" N	107°02'29,0" E
M7	10°26'00,1" N	107°02'26,2" E	10°25'56,4" N	107°02'32,6" E
M5	10°25'46,2" N	107°02'32,6" E	10°25'42,5" N	107°02'39,1" E

3. Phạm vi khu vực thi công khu neo đậu và khu nước trước cầu cảng Hydrocacbon số 2 được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N14	10°25'60,0" N	107°02'19,0" E	10°25'56,3" N	107°02'25,5" E
N13	10°25'59,9" N	107°02'18,8" E	10°25'56,3" N	107°02'25,3" E

N12	10°26'02,3" N	107°02'18,5" E	10°25'58,6" N	107°02'24,9" E
N11	10°26'02,9" N	107°02'17,4" E	10°25'59,2" N	107°02'23,9" E
N10	10°26'05,9" N	107°02'17,0" E	10°26'02,2" N	107°02'23,4" E
N9	10°26'06,7" N	107°02'17,6" E	10°26'03,0" N	107°02'24,1" E
N8	10°26'10,0" N	107°02'17,2" E	10°26'06,3" N	107°02'23,6" E
M12	10°26'09,3" N	107°02'12,7" E	10°26'05,6" N	107°02'19,1" E
M10	10°26'07,6" N	107°02'11,1" E	10°26'04,0" N	107°02'17,5" E
M8	10°25'58,1" N	107°02'12,4" E	10°25'54,4" N	107°02'18,9" E
M6	10°25'41,0" N	107°02'16,4" E	10°25'37,4" N	107°02'22,9" E

4. Phạm vi khu vực thi công vũng quay tàu: tâm vũng quay tàu đường kính D=520m được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
CM2	10°25'42.9" N	107°02'24.7" E	10°25'39.3" N	107°02'31.2" E

5. Phạm vi khu vực tiếp nhận chất nạo vét được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Vĩ độ
LS1	10°14'32.271"	107°09'04.999"	10°14'28.594''	107°09'11.413''
LS2	10°14'32.432"	107°10'05.012"	10°14'28.752''	107°10'11.418''
LS5	10°14'01.340"	107°10'04.890"	10°13'57.660''	107°10'11.296''
LS6	10°14'01.570"	107°09'04.941"	10°13'57.890''	107°09'11.347''

Thời gian: Từ ngày ra thông báo hàng hải đến hết ngày 23/01/2026.

Đặc điểm của các phương tiện thi công: Tàu hút bụng tự hành, tàu đặt cầu (gầu dây), sà lan vận chuyển, tàu kéo.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành trình qua khu vực thi công được giới hạn bởi các điểm tọa độ nêu trên chú ý tăng cường cảnh giới, giữ liên lạc thông suốt, tuân theo sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh./.

Noinhận:

- Giám đốc (đề b/c);
- Cục HH và ĐT Việt Nam (đề b/c);
- Phó Giám đốc: N.Q.Hưng, T.M.Trí, N.G.Nam, L.V.Thức, V.D.Nhân;
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- BCH Bộ đội Biên phòng TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục HH và ĐT phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Cty TNHH MTV - Tcty BĐATHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV HTHH miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Đài Thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Các Doanh nghiệp chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp Vận tải biển/Vận tải thủy;
- Các Doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các Doanh nghiệp Đại lý tàu biển;
- Trường Đại học GTVT Tp. Hồ Chí Minh;
- Trường Cao đẳng Hàng hải II;
- Đại diện: Hiệp Phước, Cần Giờ, Long An, Vũng Tàu, Thị Vải, Côn Đảo;
- Phòng: AT-ANHH, ĐPGTHH, TTTT;
- Website Cảng vụ HH TP.HCM;
- Lưư VT, QLKCHT (Đăng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Huy Toàn